

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020 /HS-ST.

Ngày: 27/10/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P.L.L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông P.T.L.

2. Ông Đ.H.L – Chủ tịch Hội Khuyến học huyện A.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà N.T.K.H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Ông P.X.D – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS, ngày 06 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **H.V.T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 22/11/1998, tại: B; Nơi cư trú: H.H, C.H, A, B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: H.V.S, SN: 1970 và bà: Đ.T.C, SN: 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 23/7/2020 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **L.T.V**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/12/2002, tại: B; Nơi cư trú: Khu A.P, TT.N.M, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: L.V.H, SN: 1969 (đã chết) và bà: N.T.L.C, SN: 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện

A từ ngày 23/7/2020 đến ngày 29/7/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

*** Người bị hại:**

- Bà N.T.D, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, TT.T.H, huyện T.H, tỉnh H.T (*Vắng mặt*).

*** Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Lưu Thy Vũ:**

- Bà N.T.L.C, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu A.P, TT.N.M, huyện A, tỉnh B (*Có mặt*).

*** Người bào chữa cho bị cáo Lưu Thy Vũ:**

- Ông: Q.H.C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B – Chi nhánh số 2 (*Có mặt*).

*** Người làm chứng:**

- Bà T.T.C, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Thôn H.H, xã C.H, huyện A, tỉnh B. (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 22/7/2020, H.V.T và L.T.V đi đến Nghĩa trang Liệt sỹ C.H thuộc thôn H.H, xã C.H, huyện A, tỉnh B chơi, sử dụng cờ mỳ và ngủ tại đây. Sáng ngày 23/7/2020 bà N.T.D (sinh năm 1958) ở tổ dân phố 7, thị trấn T.H, huyện T.H, tỉnh H.T cùng gia đình đến viếng nghĩa trang nên T và V di chuyển ra phía sau nghĩa trang tiếp tục nằm ngủ. Quá trình chuẩn bị đồ lễ, bà D đã để 01 túi xách cá nhân bằng da màu xám trên thùng đồ cúng dưới gốc cây xanh giữa nghĩa trang rồi cùng gia đình đi thắp hương tại các phần mộ liệt sỹ sau đó thắp hương tại đài TỔ QUỐC GHI CÔNG. Khoảng 9h30 cùng ngày, T thức dậy nhìn thấy túi xách của bà D cách vị trí mình khoảng 20m, quan sát thấy mọi người không để ý nên nảy sinh ý định lấy trộm. T gọi V dậy và rủ lấy trộm thì V đồng ý. T đi đến cầm lấy túi xách cùng V chạy về phía sau nghĩa trang cán bộ. Cả hai kiểm tra túi xách có số tiền 9.900.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 và một số giấy tờ tùy thân của bà D. T nói V giấu điện thoại và tiền đợi người ta đi rồi quay lại lấy. V tắt nguồn điện thoại giấu vào bụi cây và nhét tiền vào ống đèn bằng sứ gần đó rồi cả hai đi ra trước nghĩa trang cán bộ. Lúc này, bà D và gia đình quay lại không thấy túi xách nên tìm kiếm và hỏi người quản trang là bà T.T.C thì nghi ngờ T và V lấy trộm nên đã tố giác đến Công an huyện A. Qua làm việc, T và V đã khai nhận việc lấy trộm và giao nộp lại tài sản.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố hình sự ngày 30/7/2020 thì: 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 Prime vỏ màu vàng đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)

Vật chứng vụ án: Tạm giữ 01 túi xách bằng da màu xám, số tiền 9.900.000 Việt nam đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime vỏ màu vàng đã qua sử dụng, đã được xử lý trả lại cho người bị hại là bà N.T.D.

Về dân sự : Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại không có yêu cầu gì khác đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKSPC, ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo H.V.T và L.T.V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo H.V.T và L.T.V về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 của BLHS để xử phạt bị cáo H.V.T với mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 23/7/2020.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 91, Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo L.T.V với mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo L.T.V phát biểu quan điểm: Thống nhất với tội danh và điều luật Viện kiểm sát đã truy tố; Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1, Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 100 của BLHS năm 2015; Xử phạt: 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toàn các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo H.V.T và L.T.V đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Vào lúc khoảng 9h30 ngày 23/7/2020 lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà N.T.D khi cùng gia đình thắp hương các phần mộ liệt sỹ ở Nghĩa trang liệt sỹ thuộc thôn H.H, xã C.H, huyện A, tỉnh B; H.V.T đã rủ L.T.V cùng trộm cắp được một túi xách cá nhân của bà N.T.D, bên trong có 9.900.000đ tiền mặt, một điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime và một số giấy tờ tùy thân của bà N.T.D đem đi cất giấu để chờ thời cơ lấy để sử dụng. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 11.400.000đ.

Trong vụ án, có hai bị cáo tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ: Trong đó H.V.T là người khởi xướng rủ rê L.T.V và cũng là người thực hành tích cực.

Hành vi của bị cáo H.V.T cùng đồng phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo H.V.T và L.T.V về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo H.V.T và L.T.V phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Bị cáo H.V.T đã có hành vi rủ rê lôi kéo L.T.V là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình Sự; Bị cáo L.T.V phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, hậu quả vụ án đã được khắc phục kịp thời. Mặt khác người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để HĐXX cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo H.V.T có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần phải tiếp tục cách ly ra khỏi xã hội bằng hình thức phạt tù có thời hạn. Bị cáo L.T.V khi phạm tội là người dưới 18 tuổi do đó cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, xét nhân thân, vai trò phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015 để xét xử bị cáo L.T.V là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo H.V.T và L.T.V phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo H.V.T 09 (Chín) tháng tù .Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 23/7/2020.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo L.T.V 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: 27/10/2020.

Giao bị cáo L.T.V cho Ủy ban nhân dân Thị trấn N.M, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo H.V.T và L.T.V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, riêng người bị hại vắng mặt thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P.L.L